TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ LƯƠNG** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29 /5 /2023
V/v Kiện xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Long;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nông Văn Thịnh;

2. Bà Nguyễn Thị Chuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Mạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thị Hương Giang, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc Kiện xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023.

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị T, sinh năm 1976;

Đăng ký HKTT tại: xóm N, xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Tạm trú: Thôn L, xã C, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Thành T, sinh năm 1972

Đăng ký HKTT tại: xóm N, xã C, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Đỗ Thành T năm 2014. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình chồng tại xóm N, xã C, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Vợ chồng sống hạnh phúc trong thời gian đầu, mâu thuẫn phát sinh từ tháng 8 năm 2016 nguyên nhân là do anh Trung không chịu làm

ăn, hay rượu chè bê tha, hay đánh đập, chửi bới vợ con. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Anh T có gọi điện thoại cho chị nhưng không nói ở đâu, sau đó lại thay số diện thoại mới. Hiện chị không biết anh T đang đi đâu, làm gì. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Thành C, sinh ngày 17/6/2015 hiện đang ở với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên đã đến nhà anh mẹ đẻ của anh Đỗ Thành T xác minh tại xóm N, xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Anh Đỗ Thành T đi làm ăn xa không có mặt địa phương, anh T đi đâu làm gì, gia đình không biết.

Tại biên bản làm việc ngày 20/12/2022 với anh Đỗ Bằng G, sinh năm 1969, địa chỉ xóm N, xã C, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, là anh trai của anh Đỗ Thành T, ở cùng nhà với anh T, ông G cung cấp: Anh T kết hôn năm 2014, có tự nguyện tìm hiểu nhau và có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn,vợ chồng anh T, chị T sống cùng với mẹ đẻ (đã già) và vợ chồng anh tại xóm N, xã C, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Sau đó vợ chồng anh T sảy ra mâu thuẫn, thì chị T bỏ đi. Anh T ở nhà một thời gian rồi cũng bỏ đi, thi thoảng mới về nhà, Vợ chồng anh T, chị T có sinh được 01 con chung là cháu Đỗ Thành C, sinh ngày 17/06/2015. Vợ chồng mâu thuẫn, anh T và chị T đi đâu làm gì anh cũng không biết rõ. Anh T vẫn thỉnh thoảng có liên lạc với gia đình nhưng không cung cấp địa chỉ nơi làm việc. Anh T đi đâu, làm gì gia đình cũng không biết được, xóm có việc gọi anh T cũng không nghe máy.

Tại biên bản xác minh ngày 31/12/2022, Công an xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên cung cấp: anh Đỗ Thành T (có lý lịch nêu trên) hiện có đăng ký cư trú tại xóm N, xã C, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Hiện tại anh T không có mặt tại địa phương, anh T đi đâu, làm gì địa phương không xác định được.

Do anh T không có mặt tại địa phương, Tòa án đã tống đạt cho anh trai của anh T, tiến hành niêm yết công khai, Tòa án nhân dân huyện Phú Lương quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa ngày hôm nay anh T khai: Anh T kết hôn với chị T năm 2014, có đăng ký kết hôn và hiện có 01 con chung là Đỗ Thành C, sinh ngày 17/6/2015 hiện đang ở với chị T. Sau khi ly hôn anh không yêu cầu nuôi con chung. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh T bị bệnh tật không làm được việc nặng, chị T

có biểu hiện ngoại tình nên đã tự bỏ về quê sinh sống. Nay anh nhất trí ly hôn và đồng ý để chị T nuôi con chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của BLTTDS năm 2015; Căn cứ vào các Điều 51, 52 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T xin ly hôn anh Đỗ Thành T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn anh Đỗ Thành T.

Về con chung: Giao con Đỗ Thành C, sinh ngày 17/6/2015 cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về tài sản chung: Không có. Nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, bị đơn anh Đỗ Thành T có nơi cư trú tại xóm N, xã C, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

- Về sự vắng mặt của nguyên đơn tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân huyện Phú Lương đã tiến hành tống đạt hợp lệ, tại các buổi làm việc, chị T đều có mặt, Tại phiên tòa hôm nay, chị T đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì công việc rất bận chị không thể tham dự phiên tòa được. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị T và anh Đỗ Thành T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 60 ngày 15/7/2014 của UBND xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy được xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ sống thiếu tin tưởng lẫn nhau, nghi kỵ nhau dẫn đến việc vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào điều Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, chị T được ly hôn với anh T là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Thành C, sinh ngày 17/6/2015. Hiện cháu C đang ở với chị T. Tại bản trình bày nguyện vọng, cháu C có nguyện vọng được ở với mẹ và anh T cũng nhất trí để chị Thu nuôi con, nên giao con cho chị T chăm sóc là phù hợp. Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng, vì vậy không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh T đều xác định không có tài sản chung, không có nợ chung, không cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Thu phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 264 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T xin ly hôn anh Đỗ Thành T.

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của BLTTDS năm 2015;

Điều 51, 56, 81, 82 và điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn anh Đỗ Thành T.

2. Về con chung: Giao con Đỗ Thành C, sinh ngày 17/6/2015 cho chị T trực

tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp biên lai thu số 0003530 ngày 23/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lương.

5. Quyền kháng cáo: Thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với bị đơn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết đối với nguyên đơn.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Phú Lương;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THA dân sự huyện Phú Lương;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Cổ Lũng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; VP, TK, TP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lương Đức Long